

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2025.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định trong điều lệ Trường mầm non;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Mầm non Hoa Hồng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025 của trường Mầm non Hoa Hồng (theo biểu kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà): Phó hiệu trưởng, Kế toán, các tổ khối trưởng và tổ chức đoàn thể tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT



Nguyễn Thị Hà

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 001/QĐ-TN/H ngày 1. / 10. / 2025 của.....)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Hoa Hồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	3.833.502.030	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	3.833.502.030	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	3.833.502.030	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	77.160.000	0	0
	- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	5.000.000	0	0
	6912: Các thiết bị công nghệ thông tin	0	5.000.000	0	0
	- Mục: 6200 Tiền thưởng	0	56.160.000	0	0
	6201: Thưởng thường xuyên	0	56.160.000	0	0
	- Mục: 6150 Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	0	16.000.000	0	0
	6199: Các khoản hỗ trợ khác	0	16.000.000	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	3.756.342.030	0	0
	- Mục: 6000 Tiền lương	0	1.735.773.550	0	0
	6001: Lương theo ngạch, bậc	0	1.735.773.550	0	0
	- Mục: 6100 Phụ cấp lương	0	1.371.475.398	0	0
	6101: Phụ cấp chức vụ	0	36.254.887	0	0

6102: Phụ cấp khu vực	0	186.264.000		
6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	0	824.565.224	0	
6113: Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	0	2.106.000	0	
6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	0	322.285.287	0	
- Mục: 6700 Công tác phí	0	9.560.000	0	0
6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	0	660.000	0	
6702: Phụ cấp công tác phí	0	1.000.000	0	
6703: Tiền thuê phòng ngủ	0	1.000.000	0	
6704: Khoản công tác phí	0	6.900.000	0	
- Mục: 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	69.498.000	0	0
6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	69.498.000	0	
- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	19.048.980	0	0
6912: Các thiết bị công nghệ thông tin	0	8.580.000	0	
6921: Đường điện, cấp thoát nước	0	6.968.980	0	
6949: Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	3.500.000	0	
- Mục: 6300 Các khoản đóng góp	0	490.462.759	0	0
6301: Bảo hiểm xã hội	0	369.193.933	0	
6302: Bảo hiểm y tế	0	65.151.871	0	
6303: Kinh phí công đoàn	0	23.541.019	0	
6304: Bảo hiểm thất nghiệp	0	21.717.290	0	
6349: Các khoản đóng góp khác	0	10.858.646	0	
- Mục: 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	11.500.000	0	0
6449: Chi khác	0	11.500.000	0	
- Mục: 7750 Chi khác	0	13.735.580	0	0
7799: Chi các khoản khác	0	13.735.580	0	
- Mục: 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	0	1.962.908	0	0
6501: Tiền điện	0	1.493.322	0	
6502: Tiền nước	0	469.586	0	
- Mục: 6550 Vật tư văn phòng	0	17.113.910	0	0
6551: Văn phòng phẩm	0	5.328.910	0	

	am công cụ, dụng cụ văn phòng	0	5.850.000	0	0
	6599: Vật tư văn phòng khác	0	5.935.000	0	0
	- Mục: 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	3.812.645	0	0
	6601: Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	0	393.161	0	0
	6605: Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	0	1.431.484	0	0
	6649: Khác	0	1.988.000	0	0
	- Mục: 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	0	5.544.300	0	0
	7001: Chi mua hàng hóa, vật tư	0	5.544.300	0	0
	- Mục: 6250 Phúc lợi tập thể	0	4.514.000	0	0
	6253: Tiền tàu xe nghỉ phép năm	0	3.164.000	0	0
	6299: Chi khác	0	1.350.000	0	0
	- Mục: 6200 Tiền thưởng	0	2.340.000	0	0
	6201: Thưởng thường xuyên	0	2.340.000	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0

1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0

....., ngày 11 tháng 11 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Thị Hà